Chi tiết mã HS 8203.30.00

Mã HS	8203.30.00
Mô tả hàng hóa	Giũa, nạo, kìm (kể cả kìm cắt), panh, nhíp, kéo cắt kim loại, dụng cụ cắt ống, xén bu lông, mũi đột lỗ và các dụng cụ cầm tay tương tự / - Kéo cắt kim loại và dụng cụ tương tự
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 08:15:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/82033000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12516
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12516
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12516
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11865
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11808
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11808
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11808
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11808
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11808
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11808
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11860
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11860

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11860
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11860
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11860
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11860
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11861
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11861
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11861
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11861
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11861
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11861
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11864
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11814
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11820
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11820
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11820
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11820
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11820
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11820
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11853
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11853
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11853
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11853
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11853
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11853
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11898
VCFTA	2023	2023	5	VC!E11898

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11898
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11898
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11898
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11898
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11883
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11883
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11883
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11883
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11883
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11883
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11883
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11883
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11883
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11883
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11883
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11883
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D11900
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11900
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11900
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11900
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11900
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11900
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D11899
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11899
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11899
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11899

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11899
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11899
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11846
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11846
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11846
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11846
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11846
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11846
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11846
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11883
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11883
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11883
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11883
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11883
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11883
RCEP B	2022	2022	0	B!D11883
RCEP B	2023	2023	0	B!E11883
RCEP B	2024	2024	0	B!F11883
RCEP B	2025	2025	0	B!G11883
RCEP B	2026	2026	0	B!H11883
RCEP B	2027	2027	0	B!I11883
RCEP C	2022	2022	0	C!D11883
RCEP C	2023	2023	0	C!E11883
RCEP C	2024	2024	0	C!F11883
RCEP C	2025	2025	0	C!G11883
RCEP C	2026	2026	0	C!H11883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11883
RCEP D	2022	2022	0	D!D11882
RCEP D	2023	2023	0	D!E11882
RCEP D	2024	2024	0	D!F11882
RCEP D	2025	2025	0	D!G11882
RCEP D	2026	2026	0	D!H11882
RCEP D	2027	2027	0	D!I11882
RCEP E	2022	2022	0	E!D11886
RCEP E	2023	2023	0	E!E11886
RCEP E	2024	2024	0	E!F11886
RCEP E	2025	2025	0	E!G11886
RCEP E	2026	2026	0	E!H11886
RCEP E	2027	2027	0	E!I11886
RCEP F	2022	2022	0	F!D11883
RCEP F	2023	2023	0	F!E11883
RCEP F	2024	2024	0	F!F11883
RCEP F	2025	2025	0	F!G11883
RCEP F	2026	2026	0	F!H11883
RCEP F	2027	2027	0	F!I11883
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F10991
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G10991
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10991
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10991

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8203.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8203.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12516), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.